

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
**BỆNH VIỆN DA LIỄU**

Số: 209 /BVDL-KD  
V/v mời chào giá hóa chất xét nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm cho Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng.
- Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại liên hệ: 0236.3757567 vào giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 08 giờ 00 ngày 9 tháng 4 năm 2024 đến trước 16 giờ 00 ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục hóa chất xét nghiệm: Theo Phụ lục chi tiết đính kèm
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng.
- Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 3 - 7 ngày kể từ ngày gọi hàng.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo quy định hiện hành.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Đơn vị. /

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (báo cáo);
- CNTT để đăng website;
- Lưu: VT, KD.

  
Trần Công Đức

## Phụ lục 1

**DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MỜI CHÀO GIÁ**

(Đính kèm Thư mời chào giá số 209 /BVDL-KD ngày 08 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
I	Hóa chất xét nghiệm huyết học			
1	Dung dịch pha loãng mẫu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: pha loãng máu toàn phần để đo các thành phần tế bào máu</li> <li>- Thành phần chính:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sodium chloride &lt; 0.9%</li> <li>+ Potassium chloride &lt; 0.06%</li> <li>+ Đệm (Buffer) &lt; 0.3%</li> <li>+ Chất bảo quản (Preservative) &lt; 0.1%</li> </ul> </li> <li>- Dung tích <math>\geq</math> 20L</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp máy Auto star diff 5</li> </ul>	Thùng	57
2	Dung dịch đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: đo 3 thành phần bạch cầu Trung tính, lympho, mono trong máu</li> <li>-Thành phần chính:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất tẩy rửa (Detergent) &lt; 1.5%</li> <li>+ Đệm (Buffer) &lt; 2.0%</li> <li>+ Chất bảo quản (Preservative) &lt; 1.5%</li> <li>+ Thuốc nhuộm (Dye) &lt; 1.0%</li> </ul> </li> <li>- Dung tích <math>\geq</math> 1L</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp máy Auto star diff 5</li> </ul>	Chai	57
3	Dung dịch đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: đo 2 thành phần bạch cầu Eosin, baso trong máu</li> <li>- Thành phần chính:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất tẩy rửa (Detergent) &lt; 0.5%</li> <li>+ Đệm (Buffer) &lt; 0.6%</li> </ul> </li> </ul>	Chai	34

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		+ Chất bảo quản (Preservative) < 0.7% - Dung tích ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5		
4	Dung dịch đo Hemoglobin trong máu toàn phần	- Mục đích: đo hemoglobin trong máu - Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 4.0% + Đệm (Buffer) < 1.0% - Dung tích ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Chai	34
5	Máu nội kiểm huyết học 5 thành phần	- Mục đích: Máu nội kiểm huyết học - Thành phần chính: máu toàn phần (người/động vật) có giá trị tham chiếu - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Lọ	6
<b>II</b>	<b>Hóa chất xét nghiệm sinh hóa</b>			
1	Hóa chất Định lượng Albumin [Máu]	- Mục đích: định lượng Albumin trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng bromocresol green. - Dải đo: từ ≤ 1 đến ≥ 60 g/L - Thành phần: R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 49,5 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)	Hộp	3
2	Hóa chất Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	- Mục đích: định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng 2,4-dichloroaniline (DCA).	Hộp	4

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 1,71</math> đến <math>\geq 154 \mu\text{mol/l}</math></li> <li>- Thành phần: gồm R1 và R2.</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung tích <math>\geq 55,5 \text{ ml}</math></li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
3	Hóa chất Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh/huyết tương.</li> <li>- Phương pháp: Đo quang sử dụng 2,4-dichloroaniline (DCA).</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 1.71</math> đến <math>\geq 428 \mu\text{mol/l}</math></li> <li>- Thành phần: gồm R1 và R2.</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 66,9 \text{ ml}</math></li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	4
4	Hóa chất Định lượng Creatinin (máu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Creatinine trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học không khử protein (Jaffé).</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 9</math> đến <math>\geq 1326 \mu\text{mol/l}</math></li> <li>- Thành phần: gồm R1 và R2.</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung tích <math>\geq 267 \text{ ml}</math></li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	10
5	Hóa chất Định lượng Calci toàn phần (máu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Calcium trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Đo quang, điểm cuối với Phosphonazo III.</li> <li>- Dải đo : từ <math>\leq 0.025</math> đến <math>\geq 5 \text{ mmol/l}</math></li> </ul>	Hộp	2

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: gồm R1 và R2.</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 66,9</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
6	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Cholesterol trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học enzym theo CHOD-PAP</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 0.026</math> đến <math>\geq 19.4</math> mmol/l</li> <li>- Thành phần: gồm R1.</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung tích <math>\geq 126,8</math> ml</li> </ul>	Hộp	10
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
7	Hóa chất Đo hoạt độ GGT (Gama Glutanyl Transferase) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Gamma-glutamyltransferase trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học enzym theo Szasz chuẩn hoá IFCC</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 0.3</math> đến <math>\geq 1200</math> U/l</li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung tích <math>\geq 310,7</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	10
8	Hóa chất định lượng Glucose [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Glucose trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học enzym UV sử dụng hexokinase</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 0.056</math> đến <math>\geq 47.2</math> mmol/l</li> </ul>	Hộp	20

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung tích <math>\geq 95,8</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
9	Hóa chất Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng ASAT (GOT) trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học enzym UV chuẩn hoá IFCC</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 2</math> đến <math>\geq 600</math> U/l</li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung tích <math>\geq 59,7</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	75
10	Hóa chất Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng ALT (GPT) trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học enzym UV chuẩn hoá IFCC</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 3</math> đến <math>\geq 600</math> U/l</li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 59,7</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	75
11	Hóa chất Định lượng Urê máu [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Urea trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Động học enzym UV theo Urease – GLDH</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 0.167</math> đến <math>\geq 50.0</math> mmol/L</li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> </ul>	Hộp	30

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 77,1</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
12	Hóa chất Định lượng Triglycerides [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Triglycerides trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: So màu enzym UV sử dụng glycerol-3-phosphate-oxidase</li> <li>- Dải đo : từ <math>\leq 0.023</math> đến <math>\geq 11.3</math> mmol/L</li> <li>- Thành phần: gồm R1</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 126,8</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul>	Hộp	8
		Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
13	Hóa chất định lượng Protein toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Protein trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Đo quang theo Phương pháp biuret</li> <li>- Dải đo: từ <math>\leq 0.1</math> đến <math>\geq 150</math> g/L</li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 66,9</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	3
14	Hóa chất Định lượng Acid Uric [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Uric Acid trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Đo quang enzymatic sử dụng TOOS</li> <li>- Dải đo : từ <math>\leq 3.0</math> đến <math>\geq 1190</math> <math>\mu\text{mol/L}</math></li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> </ul>	Hộp	3

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích <math>\geq 70,5</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>		
15	Hóa chất Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: định lượng Cholesterol Lipoprotein mật độ cao trong huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Phương pháp: Ngưng kết miễn dịch và phản ứng enzymatic</li> <li>- Dải đo : từ <math>\leq 0.013</math> đến <math>\geq 3.4</math> mmol/L</li> <li>- Thành phần: gồm R1, R2</li> <li>- Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng.</li> <li>- Dung tích <math>\geq 76,2</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)</li> </ul>	Hộp	10
16	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính acid	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động</li> <li>- Thành phần chính: Oxalic acid</li> <li>- Dung tích <math>\geq 500</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.</li> </ul>	Hộp	5
17	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính kiềm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động</li> <li>- Thành phần chính: Ethanol amine</li> <li>- Dung tích <math>\geq 500</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.</li> </ul>	Hộp	5
18	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh HDL-Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: hiệu chuẩn thử nghiệm hóa sinh định lượng các lipid</li> <li>- Dung tích <math>\geq 6</math> ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul>	Hộp	2

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010		
19	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh	- Mục đích: hiệu chuẩn thử nghiệm hóa sinh - Dung tích $\geq 18$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	3
20	Hóa chất nội kiểm mức Bình thường cho các thử nghiệm hóa sinh	- Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bình thường - Dung tích $\geq 30$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	4
		- Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bất thường (bệnh lý)		
21	Hóa chất nội kiểm mức Cao cho các thử nghiệm hóa sinh	- Dung tích $\geq 30$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	4
<b>III</b>	<b>Hóa chất xét nghiệm RT-PCR</b>			
1	Hóa chất tách chiết DNA/RNA	- Mục đích: tách chiết DNA/RNA - Phương pháp: Tách cột Silica - Phương thức: tách thủ công - Dùng cho mẫu: tế bào nuôi cấy, vi khuẩn, tế bào người, mẫu mô - Thành phần hoá chất không chứa Phenol/Chloroform - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Test	1.500
2	Bộ kit định tính HPV	- Mục đích: Định tính Human Papilloma Virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, chứng âm, chứng dương, chứng nội, PCR tube	Test	1.000

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		- Độ nhạy $\leq 10$ copies/ phản ứng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent		
3	Bộ kit định tính và định type HSV1-2	- Mục đích: Định tính và định type Herpes simplex virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, chứng nội, chất hiệu chuẩn. - Loại mẫu: Dịch cơ thể, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent	Test	100
4	Bộ kit định tính Neisseria gonorrhoeae	- Mục đích: Định tính Neisseria gonorrhoeae - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Neisseria gonorrhoeae rPCR mix, chứng nội, chứng dương - Loại mẫu: tinh trùng, dịch tiết sinh dục, nước tiểu, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy PCR-RT AriaMx-Agilent	Test	100
5	Bộ kit định tính Chlamydia trachomatis	- Mục đích: Định tính Chlamydia trachomatis - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Chlamydia trachomatis rPCR mix, chứng nội, chứng dương - Loại mẫu: tinh trùng, dịch tiết sinh dục, nước tiểu, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent	Test	100
6	Bộ kit định type HPV	- Mục đích: Phát hiện các genotype của virus HPV - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ lai phân tử	Test	100

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hoá chất: màng lai và các hoá chất đi kèm.</li> <li>- Loại mẫu: sản phẩm sau PCR, dương tính với HPV</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương		
<b>IV</b>	<b>Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán giang mai</b>			
1	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Giang mai (Treponema pallidum test nhanh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Phát hiện kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai</li> <li>- Nguyên lý: sắc ký miễn dịch</li> <li>- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Dạng: khay nhựa</li> <li>- Quy cách đóng gói: 1 test trong 1 túi nhôm</li> <li>- Độ nhạy tương đối: &gt;99.2 %</li> <li>- Độ đặc hiệu tương đối: &gt;99.4 %.</li> </ul>	Test	4.500
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương		
2	RPR - Carbon	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Bán định lượng kháng thể không đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai</li> <li>- Nguyên lý: ngưng kết hạt</li> <li>- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Dạng: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 80\%</math></li> <li>- Độ đặc hiệu: <math>\geq 98\%</math></li> <li>- Đóng gói: Thuốc thử, chứng âm, chứng dương.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương	Test	7.000
3	TPHA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Bán định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai</li> <li>- Nguyên lý: ngưng kết hạt</li> <li>- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Dạng: sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 99.6\%</math></li> <li>- Độ đặc hiệu: 100%</li> </ul>	Test	5.000

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói: Dung dịch pha loãng, chứng âm, chứng dương, Control cell, test cell</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương		
V	<b>Hóa chất ELISA</b>			
1	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy ELISA ANA Screening IgG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Định tính các kháng thể IgG kháng kháng nguyên nhân trong huyết thanh và huyết tương bằng phương pháp Elisa.</li> <li>- Thành phần bộ xét nghiệm:</li> <li>+ Khay vi giếng được phủ bởi các kháng nguyên dsDNA, histone, SSA, SSB, Sm, Sm/RNP, Scl-70, Jo-1, centromere và các kháng nguyên khác được tách chiết từ nhân Hep-2, Chứng âm, Chứng dương, Đệm rửa đậm đặc, Enzyme liên hợp, Chất tạo màu/ Cơ chất, Axit Sulphuric, Dung dịch pha loãng mẫu, Tấm dán khay</li> <li>- Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bề rời</li> <li>- Độ nhạy: ≥ 98%</li> <li>- Độ đặc hiệu: ≥ 98%</li> <li>- Độ ổn định: ổn định ở 2-8°C trong ≥ 12 tháng</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương	Hộp	2
2	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy ELISA IgG anti dsDNA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Định lượng kháng thể IgG kháng ds DNA trong huyết tương và huyết thanh người bằng phương pháp Elisa</li> <li>- Thành phần bộ xét nghiệm:</li> <li>+ Khay vi giếng: được phủ bởi Plasmid tái tổ hợp dsDNA có trong các protein bò</li> <li>+ Bộ chất dựng đường cong chuẩn, Dung dịch đệm rửa đậm đặc, Enzyme liên hợp, Chất tạo màu/ Cơ chất, Axit Sulphuric, Dung dịch pha loãng mẫu, Tấm dán khay</li> <li>- Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bề rời</li> <li>- Độ nhạy: ≥ 98%</li> <li>- Độ đặc hiệu: ≥ 98%</li> <li>- Độ ổn định: ổn định ở 2-8°C trong ≥ 12 tháng</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương	Hộp	2
3	Hoá chất phát hiện giun lươn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: phát hiện kháng thể kháng giun lươn</li> <li>- Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm,</li> </ul>	Hộp	3

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
		Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB , Dung dịch dừng phản ứng. - Quy cách: Hộp $\geq 96$ giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương		
4	Hoá chất phát hiện giun đũa chó mèo	- Mục đích: Xét nghiệm miễn dịch enzyme để xác định định tính kháng thể IgG kháng lại Toxocara trong huyết thanh người bằng phương pháp ELISA - Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB , Dung dịch dừng phản ứng. - Quy cách: Hộp $\geq 96$ giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ nhạy: $\geq 87\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 93\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	3
5	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	- Mục đích : Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy cách: Hộp $\geq 96$ giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ nhạy: $\geq 93\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	3
VI	Hoá chất Dị nguyên			

Stt	Tên hóa chất xét nghiệm	Đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
1	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu cho các dị nguyên hô hấp, dị nguyên thức ăn, dị nguyên tiếp xúc</li> <li>- Mẫu phân tích: Huyết thanh/huyết tương</li> <li>- Các tác nhân phát hiện: <math>\geq 30</math></li> <li>- Thành phần thuốc thử: Pette phản ứng và hoá chất đi kèm.</li> <li>- Phù hợp cho máy CLA-1 Luminometer</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</li> </ul> Hoặc tương đương	Hộp	30

**Ghi chú:** Đặc tính kỹ thuật quy định trong danh mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các Đơn vị cung cấp. Các Đơn vị có thể chào giá hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

PH  
VIỆ  
LIÊN  
★

**Phụ lục 2**  
**MẪU BÁO GIÁ**

(Đính kèm Thư mời chào giá số /BVDL-KD ngày tháng 4 năm 2024 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty .....*[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh; mã số thuế doanh nghiệp]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ y tế liên quan

STT	Danh mục <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/ khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VNĐ)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VNĐ)
1										
2										
n										

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:      ngày, kể từ ngày      tháng      năm      *[Ghi cụ thể ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*

3. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày      tháng      năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**  
*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
  - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
  - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
  - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
  - (5) .(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
  - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
  - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
  - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
  - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
  - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.  
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài. Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
  - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.



